TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SL** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HSST
Ngày 30 - 5 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SL, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Thị Mai Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Thúy

Bà Lò Thị Quỳnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Cầm Việt Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố SL, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố SL, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố SL, tỉnh Sơn La, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 03 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2023/HSST-QĐ ngày 12/4/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 114/2023/HSST-QĐ ngày 11/5/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, tên gọi khác: Không, sinh ngày 22 tháng 5 năm 1986 tại huyện TL, tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: Tổ 2, phường CS, thành phố SL, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông: Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Phạm Thị T (sinh năm 1961); bị cáo có vợ là Lê Mỹ H (sinh năm 1991) và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/8/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Chị Lò Thị T, sinh năm: 1982. Nơi ĐKHKTT: Bản H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt tại phiên tòa.

+ Công ty S, địa chỉ: Đ, thôn P, xã T, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc. Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị K – chức vụ: Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt D, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu đô thị S, Lam Sơn, phường TC, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Công ty cổ phần JC, địa chỉ: 30/4 đường số 8, phường 11, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt D, sinh năm 1979 – chức vụ: Tổng giám đốc, địa chỉ: Khu đô thị S, Lam Sơn, phường TC, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Đỗ Văn H1, sinh năm: 1985; địa chỉ: Tiểu khu 10, xã HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Công ty M; địa chỉ: Số nhà 42, ngách 8/174, tổ 1, đường L, phường P, quận N, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1985 – chức vụ: Giám đốc, địa chỉ: Thôn T, thị trấn TC, huyện PC, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 5/2020 đến tháng 10/2021, do muốn có tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân, Nguyễn Văn H sinh năm 1986, trú tại tổ 2, phường CS, thành phố SL, tỉnh Sơn La đã dùng thủ đoạn gian dối để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của 02 bị hại với tổng giá trị tài sản trị giá 309.426.200 đồng *(Ba trăm linh chín triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn, hai trăm đồng).* Đến năm 2022, H còn đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt số tiền 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)* của 01 trường hợp. Cụ thể như sau:

1. Hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

Ngày 01/5/2020, Nguyễn Văn H và anh Nguyễn Việt D sinh năm 1979, trú tại Khu đô thị S, Lam Sơn, phường TC, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc là người đại diện cho Công ty S và Công ty cổ phần JC cùng nhau ký kết hợp đồng nguyên tắc về việc hợp tác kinh doanh mở cửa hàng bán sơn và thiết bị vệ sinh. Nội dung thỏa thuận: mỗi bên chịu một nửa tiền thuê cửa hàng; hàng hóa bao gồm: sơn, bột bả, tinh màu, bệt vệ sinh, chậu rửa, vòi sen, gạch để bán và máy móc phục vụ kinh doanh do 02 công ty của anh D cung cấp; H là người trực tiếp kinh doanh, bán hàng tại cửa hàng và không được mang hàng hóa đến địa điểm khác để bán; hàng hóa do H bán được phải thanh toán theo giá niêm yết của công ty để chuyển về công ty vào các ngày 10, 20, 30 hàng tháng đến tài khoản số 100888202868 tại Ngân hàng C của anh D; giá bán hàng hóa chênh lệch với giá niêm yết là lợi nhuận mà H được hưởng.

Cuối tháng 5/2020, H và anh D thuê địa điểm tại tổ 3, phường CS, thành phố SL, tỉnh Sơn La làm cửa hàng kinh doanh *(thuê của ông Lưu Hồng Q, sinh năm 1976, trú tại tổ 3, phường CS, thành phố SL)*, đến ngày 25/5/2020, H đến công ty của anh D tại tỉnh Vĩnh Phúc để nhận máy móc, hàng hóa do 02 công ty của anh D cung cấp, bàn giao và vận chuyển về cửa hàng để bày bán. Trong quá trình kinh doanh, công ty của anh D tiếp tục cung cấp thêm hàng hóa cho H vào các ngày 26/5/2020, 04/6/2020 và 03/7/2020. Trong 03 tháng đầu tiên, H chỉ bán được 07 thùng sơn lót kiềm cao cấp ngoại thất nhãn hiệu OMNOVA loại 18 lít nên đến tháng 7/2020, H đến gặp anh Đỗ Văn H1, sinh năm 1979, trú tại tiểu khu 10, xã HL, huyện MS, tỉnh Sơn La bàn việc mở cửa hàng kinh doanh tại nhà của anh H1. H và anh H1 cùng thỏa thuận, H cung cấp máy móc, hàng hóa

về sơn, bột bả, tinh màu, bệt vệ sinh, chậu rửa, vòi sen, gạch để bán, lợi nhuận chia đều hai bên. Khoảng cuối tháng 8/2020, sau khi hết thời gian thuê nhà 03 tháng đầu tiên tại phường CS, thành phố SL, H chuyển toàn bộ máy móc, hàng hóa do 02 công ty của anh D cung cấp (H nói với anh H1 đây là tài sản của H) đến nhà anh H1 để bán mà không được sự đồng ý của anh D. Sau 02 tháng kinh doanh chung thì thua lỗ, anh H1 không tiếp tục kinh doanh chung với H nữa. H và anh H1 tính toán khoản tiền thua lỗ, do H không góp vốn bằng tiền mặt nên hai bên thống nhất H nợ anh H1 số tiền 109.000.000đ *(Một trăm linh chín triệu đồng)*, Htiếp quản lại cửa hàng và tiếp tục kinh doanh. Khoảng tháng 10/2020, công ty anh D biết việc H chuyển toàn bộ máy móc, hàng hóa đến địa điểm khác mà không báo cho công ty, nên đã yêu cầu H trả số tiền hàng đã bán được và số máy móc, hàng hóa còn lại, nhưng do số tiền có được từ việc bán hàng hóa của công ty anh D cung cấp đã tiêu sài hết, số máy móc, hàng hóa còn lại H đang tiếp tục kinh doanh để trả nợ cho anh H1nên H chưa thể trả được tiền, máy móc, hàng hóa còn lại cho anh D. Ngày 09/3/2021, H và anh H1 đã viết giấy hẹn trả tiền với nội dung: đến ngày 20/3/2021, H phải trả số tiền 109.000.000 đồng *(Một trăm linh chín triệu đồng)* cho anh H1, nếu không trả đúng hẹn thì H sẽ gán toàn bộ số hàng hóa, máy móc mà H đang để ở nhà anh H1 (thực chất là của công ty anh D) với số tiền 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*. Hết thời hạn trên, H không có tiền trả nợ nên đã để anh H1 toàn quyền xử lý toàn bộ số hàng hóa, máy móc tại nhà anh H1, H không có tiền hoặc máy móc để trả lại cho anh D.

Đến ngày 04/5/2022, anh Nguyễn Việt D nộp đơn trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Văn H.

2. Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

Trong 02 (hai) ngày 08/4/2022 và 09/4/2022, lợi dụng sự tin tưởng khi kinh doanh chung với chị Lò Thị T, sinh năm 1982, trú tại bản H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, Nguyễn Văn H đã đưa ra thông tin gian dối về việc nhập máy móc và sơn phục vụ kinh doanh để chiếm đoạt của chị Thu tổng số tiền 150.000.000 đồng *(một trăm năm mươi triệu đồng)*, cụ thể: Tháng 10/2021, H làm việc cho Công ty M do anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1985, trú tại thôn T, thị trấn TC, huyện PC, tỉnh Hưng Yên làm Giám đốc. Giữa H và công ty của anh H2 không ký kết hợp đồng lao động với nhau mà chỉ thỏa thuận bằng miệng, công việc của H là nhân viên tiếp thị, giới thiệu sản phẩm sơn của công ty, phát triển thêm các đại lý, cửa hàng tại các tỉnh Sơn La, Điện Biên, công ty trả lương cho H theo tháng. Tháng 02/2022, H quen chị Lò Thị T, sinh năm 1982, trú tại bản H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, cả hai đã bàn bạc, thỏa thuận cùng nhau kinh doanh mở cửa hàng bán sơn, mỗi người góp vốn 200.000.000 đồng *(hai trăm triệu đồng)*, trong quá trình kinh doanh vừa làm vừa góp vốn, hai người thống nhất chị T giữ 50.000.000 đồng *(năm mươi triệu đồng)* để lo chi phí hoạt động ban đầu, chuyển số tiền 150.000.000 đồng *(một trăm năm mươi triệu đồng)* cho H để nhập hàng là đủ số tiền 200.000.000 đồng *(hai trăm triệu đồng)* góp vốn của chị T, còn H thì có thể nhập sơn của Công ty M trước, trả tiền sau, số lượng hàng nhập được có thể lên đến 200.000.000 đồng *(hai trăm triệu đồng)* nên H coi đây là vốn góp của H để kinh doanh chung. Chị Thu đã thuê cửa hàng tại chợ C17, xã TX, huyện Đ, tỉnh Điện Biên để bán hàng. Đến đầu tháng 3/2022, H lên đơn hàng gửi về Công ty M trị giá khoảng gần 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) để Công ty gửi sơn lên cửa hàng bày bán. Đến ngày 08/4/2022, do cần có tiền để trả nợ, chi tiêu

cá nhân H nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị T, H gọi điện cho T, nói dối bảo T chuyển tiền cho H để mua máy pha sơn và sơn cho cửa hàng, chị T đồng ý và chuyển khoản số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) từ tài khoản số 36010000689908 tại Ngân hàng Đ (BIDV) của chị T đến tài khoản số 41110000369292 tại ngân hàng BIDV của H, H đã sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 09/4/2022, H tiếp tục liên lạc, nói dối bảo chị T chuyển tiền cho H để H đi thành phố Hà Nội nhập thêm sơn, chị T đã chuyển khoản số tiền 50.000.000đ từ tài khoản ngân hàng BIDV của chị T đến tài khoản ngân hàng BIDV của H, H đã sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Số tiền H nhập sơn cho chị T bày bán ở cửa hàng, chị Thu cũng đã thanh toán đủ cho Công ty M. Đến ngày 14/7/2022, chị T nộp đơn trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Văn H.

Ngoài ra, trong quá trình làm việc cho Công ty M, H đi tiếp thị, làm việc trực tiếp với các đại lý/cửa hàng, khi các đại lý/cửa hàng nhập sơn của công ty thì H gửi thông tin đại lý/cửa hàng, đơn hàng về công ty, sau đó công ty sẽ vận chuyển sơn qua xe tải/xe khách đến các đại lý/cửa hàng. Sau khi các đại lý/cửa hàng nhận được sơn, H làm việc với các đại lý/cửa hàng để thu tiền sơn theo giá niêm yết của công ty rồi chuyển cho công ty. Trong tháng 01/2022 và tháng 02/2022, H đã thu được tổng số tiền sơn là 134.200.000 đồng (một trăm ba mươi tư triệu, hai trăm nghìn đồng) của 07 đại lý/cửa hàng tại các tỉnh Sơn La, Điện Biên nhưng không nộp về cho Công ty mà đã chi tiêu cá nhân hết. Sau đó, công ty anh H2 biết việc H thu tiền sơn của các đại lý/cửa hàng nhưng chưa nộp về cho công ty nên ngày 08/4/2022, hai bên đã xác nhận số tiền nợ, H cam kết đến ngày 08/10/2022 sẽ trả lại tiền cho công ty, anh H2 đồng ý. Tuy nhiên đến ngày 08/8/2022, H bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La bắt tạm giam để điều tra về hành vi chiếm đoạt tài sản của chị Lò Thị T nên chưa thực hiện được việc trả lại tiền cho công ty anh H2.

Vật chứng thu giữ:

- 01 thẻ ATM của Ngân hàng C (Vietinbank) bên trên mặt thẻ in nội dung "09704151544751614" tên NGUYEN VAN H.

- 01 thẻ ATM của Ngân hàng Đ (BIDV) bên trên mặt thẻ in nội dung "9704180119080968" tên NGUYEN VAN H.

- 01 giấy phép lái xe số 140144004109 cấp ngày 09/9/2019 mang tên Nguyễn Văn H.

- 01 thẻ xe mang tên Nguyễn Văn H, Biển kiểm soát: 26H1 – 1959.

- 01 đăng ký xe môtô Biển kiểm soát 26H1-1959 mang tên Nguyễn Thị L.

- 01 thẻ ra vào dự án Vinhomes Dream City mang tên Nguyễn Văn H.

- 01 điện thoại bàn phím cơ, vỏ màu đỏ, viền và màn hình điện thoại màu đen, trên dàn hình in chữ "Itel".

- 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus màn hình cảm ứng, vỏ và viền điện thoại màu trắng.

- Số tiền 2.259.000đ *(Hai triệu hai trăm năm mươi chín nghìn đồng).*

Ngày 09/12/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La đã ra quyết định

xử lý vật chứng: Trả cho chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1983, trú tại Tổ 2, phường CS, thành phố SL, tỉnh Sơn La *(chị ruột của Nguyễn Văn H)* quản lý 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn H, 01 thẻ xe tên Nguyễn Văn H, 01 đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị L, 01 thẻ ra vào dự án Vinhomes Dream City mang tên Nguyễn Văn H.

Tại Kết luận giám định số: 1429/KL-KTHS ngày 23/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: *"Số tiền 2.259.000 đồng gửi giám định là tiền thật"*.

Tại kết luận định giá số: 12/KL-HĐĐGTS ngày 12/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố SL kết luận: Tổng giá trị định giá tài sản là: 316.146.200 trong đó:

+ Tài sản là máy pha sơn, máy lắc sơn, máy tính, máy in: 111.450.000 đồng.

+ Tài sản là các sản phẩm về sơn: 142.675.600 đồng.

+ Tài sản là các sản phẩm về gạch: 7.532.200 đồng.

+ Tài sản là các sản phẩm về thiết bị vệ sinh: 54.488.400 đồng.

Ngày 22/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố SL ra Lệnh phong tỏa tài khoản đối với số tiền 7.593.939.000 đồng *(bảy triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn, chín trăm ba mươi chín đồng)* trong tài khoản số 41110000369292 mang tên Nguyễn Văn H tại Ngân hàng Đ.

Quá trình điều tra, bị cáo khai nhận đã sử dụng 10.000.000đ trong số tiền chiếm đoạt được của chị Lò Thị T để đánh bạc tại 01 ngôi nhà (*không rõ đặc điểm, địa chỉ, số nhà, tên chủ nhà)* tại lối đi vào khu vực trường Đại học TB (*thuộc phường QT, thành phố SL)* cùng với 02 người nam giới tên Tuấn và Việt *(H n không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ)*. Công an phường QT đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được ngôi nhà nào, người nào tên T, V có biểu hiện đánh bạc trên địa bàn phường QT, thành phố SL.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Lò Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 150.000.000 đồng *(một trăm năm mươi triệu đồng)*; Công ty S yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 247.405.600 đồng *(hai trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm linh năm nghìn, sáu trăm đồng);* Công ty cổ phần JC yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 62.020.600đ *(sáu mươi hai triệu, không trăm hai mươi nghìn, sáu trăm đồng).*

Tiến hành xác minh tài sản, thu nhập của Nguyễn Văn H xác định: Bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập thường xuyên.

Do có hành vi nêu trên, tại cáo trạng số 42/CT-VKSTP ngày 14/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố SL, tỉnh Sơn La đã truy tố Nguyễn Văn H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố SL thực hiện quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, trình bày lời luận tội, đánh giá tính chất, mức độ và hậu quả nguy hiểm cho xã hội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; khoản 3 Điều 175,

điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

- Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 5 (năm) đến 6 (sáu) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 7 (bảy) đến 8 (tám) năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hợp hình phạt bị cáo phải chịu là từ 12 (mười hai) đến 14 (mười bốn) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Trả lại bị cáo Nguyễn Văn H: 01 thẻ ATM của Ngân hàng Vietinbank bên trên in nội dung "9704151544751614" và 01 thẻ ATM của Ngân hàng BIDV bên trên in nội dung "9704180119080968" đều mang tên Nguyễn Văn H; số tiền 2.259.000 đồng.

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại bàn phím cơ học, vỏ màu đỏ, điện thoại màu đen, trên màn hình điện thoại có in chữ "Intel" và 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 6S Plus màn hình cảm ứng, vỏ và viền màu trắng.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường số tiền 247.405.600đ cho Công ty S; bồi thường số tiền 62.020.600đ cho Công ty cổ phần JC; bồi thường số tiền 150.000.000đ cho chị Lò Thị T.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên trong quá trình điều tra; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại là Công ty S và Công ty cổ phần JC; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Văn H1 và Công ty M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, tại giai đoạn điều tra họ đã có lời khai đầy đủ, trong đơn xin xét xử vắng mặt, họ khẳng định không thay đổi lời khai so với lời khai tại cơ quan điều tra, không có yêu cầu gì thêm. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ

án, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố SL đã truy tố đối với bị cáo, cụ thể:

Trong thời gian từ tháng 5/2020 đến tháng 8/2020, Nguyễn Văn H đã kí hợp đồng hợp tác với Công ty S và Công ty cổ phần JC để mở đại lý bán sơn, lợi dụng sự tin tưởng của đại diện Công ty, H đã nhận sơn và thiết bị từ 02 Công ty để bày bán nhưng không thực hiện như cam kết trong hợp đồng mà tự ý đem toàn bộ số hàng trên đi gán nợ phục vụ để cho mục đích cá nhân mà không trả hàng hoặc tiền về cho công ty với tổng số hàng trị giá là 316.146.200 đồng, sau khi trừ đi số tiền H đã chuyển cho công ty do bán được ít hàng trước đó, còn lại là 309.426.200đ (ba trăm linh chín triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn, hai trăm đồng).

Trong ngày 08/4/2022 và ngày 9/4/2022, để có tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân, Nguyễn Văn H đã đưa ra các thông tin gian dối yêu cầu chị T chuyển tiền để H nhập sơn và các thiết bị để mang bày bán ở cửa hàng do H và chị T cùng mở để kinh doanh, do tin tưởng H nên chị T đã hai lần chuyển tiền cho H với tổng số tiền là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). H không dùng số tiền mà chị Tchuyển để nhập sơn và các thiết bị như đã nói với chị T mà dùng để chi tiêu cá nhân hết.

Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Đơn trình báo, Đơn tố giác tội phạm, lời khai và tài liệu do các bị hại cung cấp làm căn cứ chứng minh Nguyễn Văn H đã có hành vi gian dối, lợi dụng lòng tin để chiếm đoạt tiền, tài sản của các bị hại.

- Biên bản khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo.

- Kết quả điều tra thông qua các tài liệu, đồ vật đã thu thập được gồm: Hợp đồng nguyên tắc về việc hợp tác kinh doanh giữa Công ty S với Nguyễn Văn H; Biên bản giao nhận máy; Bảng xác nhận công nợ; Sổ chi tiết công nợ; Biên bản bàn giao mẫu; Phiếu bán hàng; Phiếu xuất kho; Hợp đồng cho mượn tài sản số 28/2020/HĐCMTS-NA ngày 25/5/2020; Bản ảnh nhận dạng; Tổng hợp tin nhắn giữa bị cáo và bị hại.

- Kết luận giám định số 108/QĐ-CSHS ngày 17/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh kết luận: *"Số tiền 2.259.000 đồng gửi giám định là tiền thật"*.

- Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 12/KL-HĐĐGTS ngày 12/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Tổng giá trị tài sản của Công ty S và Công ty cổ phần JC đã bàn giao cho Nguyễn Văn H là 316.146.200 đồng.

- Các tài liệu điều tra, xác minh liên quan đến bị cáo do Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo là người đã trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bằng thủ đoạn gian dối làm các bị hại tin tưởng giao tài sản để bị cáo chiếm đoạt. Với các căn cứ chứng minh trên, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H đã phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo Điều 175 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H đã có hành vi lợi dụng sự tin tưởng để chiếm đoạt tài sản của bị hại là Công ty S và Công ty cổ phần JC với tổng số tiền là 309.426.200đ, hành vi của bị cáo đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015, khung hình phạt có mức phạt tù từ 05 năm đến 12 năm.

Bị cáo Nguyễn Văn H đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại chị Lò Thị T với số tiền đã chiếm đoạt là 150.000.000đ, đã vi phạm tình tiết định khung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015, khung hình phạt có mức phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

[4] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là người có hiểu biết, nhận thức rõ về hành vi bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng nhưng do muốn có tiền để sử dụng cho bản thân mà không phải bỏ công sức lao động chính đáng nên đã đưa ra những thông tin không có thật để chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện tính xem thường pháp luật, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự ở địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo hình phạt với mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội bị cáo gây ra để đảm bảo việc cải tạo giáo dục riêng, răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Văn H thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản đối với 02 bị hại, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Phạm tội 02 lần trở lên"* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tổng hợp hình phạt: Do bị cáo phạm nhiều tội và bị Tòa án xét xử cùng 01 lần nên cần áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung *(phạt tiền hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản)* theo quy định tại khoản 5 Điều 174 và khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, số tiền cơ quan điều tra tịch thu và phong tỏa của bị cáo là tài sản duy nhất mà bị cáo có, xét việc áp dụng hình phạt bổ sung là không có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm việc thi hành án; bị cáo bị tạm giữ, giam từ ngày 08/8/2022 được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của các bị hại thấy rằng: Nguyễn Văn H bằng thủ đoạn gian dối đã nhận tài sản của Công ty S và Công ty cổ phần JC

bằng hình thức hợp đồng rồi chiếm đoạt tài sản đó với tổng giá trị là 309.426.200đ; bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị Lò Thị T số tiền 150.000.000đ, sau đó mang đi tiêu sài cá nhân hết. Tại cơ quan điều tra cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại Công ty S yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 247.405.600đ, Công ty cổ phần JC yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 62.020.600đ, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa chị Lò Thị T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 150.000.000đ là có căn cứ cần chấp nhận toàn bộ.

[10] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 thẻ ATM của Ngân hàng Vietinbank bên trên in nội dung "9704151544751614" và 01 thẻ ATM của Ngân hàng BIDV bên trên in nội dung "9704180119080968" đều mang tên Nguyễn Văn H không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với số tiền 2.259.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn H, xác định là tiền do bị cáo tự lao động mà có, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với số tiền 7.593.939 đồng được xác định là số dư trong tài khoản của Ngân hàng BIDV tại số tài khoản 41110000396292 của bị cáo Nguyễn Văn H hiện nay đang bị phong tỏa theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 08/LPT-ĐTTH ngày 22/12/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố SL, được xác định là do bị cáo lao động mà có, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần hủy bỏ Lệnh phong tỏa, trả lại tiền cho bị cáo.

- Đối với 01 (một) giấy phép lái xe tên NGUYÊN VAN H, 01 thẻ xe tên Nguyễn Văn H, 01 đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị L, 01 thẻ ra vào dự án Vinhomes Dream City mang tên Nguyễn Văn H, do không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 432/QĐ-PC02 ngày 09/6/2019, số 502/QĐ-PC02 ngày 18/7/2019, trả lại trả cho chị Nguyền Thị H3, sinh năm 1983, trú tại Tổ 2, phường CS, thành phố SL *(chị ruột của bị cáo)* quản lý các tài liệu nêu trên là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Đối với 01 chiếc điện thoại bàn phím cơ học, vỏ màu đỏ, điện thoại màu đen, trên mà hình điện thoại có in chữ "Intel" và 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S Plus màn hình cảm ứng, vỏ và viền màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn H, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo đã sử dụng 02 chiếc điện thoại trên làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[11] Đối với các hành vi và đối tượng khác có liên quan:

- Bị cáo khai trong số tiền bị cáo chiếm đoạt được của Lò Thị T, bị cáo đã dùng số tiền 10.000.000đ *(mười triệu đồng)* để đánh bạc tại 01 ngôi nhà (*không rõ đặc điểm, địa chỉ, số nhà, tên chủ nhà)* đi vào khu vực trường Đại học TB (*thuộc phường QT, thành phố SL)* cùng với 02 người nam giới tên T và V *(Hn không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ),* Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố SL đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được thêm tài liệu, chứng cứ khác để mở rộng vụ án. Do đó, cơ quan cảnh sát điều tra không kết luận hành vi đánh bạc trái phép của bị

cáo Nguyễn Văn H theo quy định tại điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ cần chấp nhận.

- Đối với anh Đỗ Văn H1, là người cùng hợp tác kinh doanh sơn với bị cáo Nguyễn Văn H, anh H1 không biết số sơn và thiết bị mà H mang đến nhà anh H1 là tài sản của Công ty S và Công ty cổ phần JC (do H nói với anh H1 đây là tài sản của H) và không được sự cho phép của hai công ty này. Quá trình kinh doanh thua lỗ, H đã nhất trí gán toàn bộ số hàng hóa trên cho anh H1 và anh H1 đã bán toàn bộ số tài sản trên để bù nợ của H, việc thanh toán nợ giữa H và anh H1 đã xong, tại cơ quan điều tra cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh H1 không có yêu cầu gì thêm. Đây là giao dịch dân sự ngay thẳng giữa các bên nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Ngoài ra, Nguyễn Văn H khai nhận đã thỏa thuận bằng miệng với anh Nguyễn Văn H2, trú tại Thôn T, thị trấn TC, huyện PC, tỉnh Hưng Yên, là Giám đốc Công ty M, về việc H đã thu được tổng số tiền bán sơn cho 07 đại lý/cửa hàng tại các tỉnh Sơn La, Điện Biên là 134.200.000đ *(một trăm ba mươi tư nghìn, hai trăm đồng*) nhưng chưa nộp lại cho công ty của anh H2. Ngày 08/4/2022, hai bên đã xác nhận số tiền nợ, H cam kết đến ngày 08/10/2022 sẽ trả lại cho công ty, tuy nhiên đến ngày 08/8/2022 H bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La bắt tạm giam để điều tra về hành vi chiếm đoạt tài sản của chị Lò Thị T nên chưa thực hiện được việc trả lại tiền cho công ty anh H2. Xét thấy, việc thỏa thuận trả nợ là giao kết tự nguyện giữa các bên, đây là tranh chấp dân sự không liên quan đến hành vi phạm tội của Nguyễn Văn H, tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn H2 có đơn đề nghị sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác, không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

[12] Về án phí: Do bị cáo là người thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 4 (bốn) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 7 (bảy) năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội bị cáo phải chấp hành là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 08/8/2022).

Không áp dụng hình phạt bổ sung – phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường số tiền 247.405.600đ (hai trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm linh năm nghìn, sáu trăm đồng) cho Công ty S.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường số tiền 62.020.600đ (sáu mươi hai triệu, không trăm hai mươi nghìn, sáu trăm đồng) cho Công ty cổ phần JC.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) cho chị Lò Thị T.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải thi hành án, nếu bị người phải thi hành án không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng bị người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn H: 01 (một) thẻ ATM của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank) bên trên mặt thẻ in nội dung "09704151544751614" mang tên NGUYEN VAN H và 01 (một) thẻ ATM của Ngân hàng Đ (BIDV) bên trên mặt thẻ in nội dung "9704180119080968" mang tên NGUYEN VAN H và số tiền 2.259.000đ (hai triệu, hai trăm năm mươi chín nghìn đồng).

- Tịch thu sung (nộp) ngân sách Nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại bàn phím cơ học, vỏ màu đỏ, điện thoại màu đen, trên mà hình điện thoại có in chữ "Intel" và 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 6S Plus màn hình cảm ứng, vỏ và viền màu trắng.

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/02/2023 giữa Công an thành phố SL và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố SL, tỉnh Sơn La).

- Hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số 08/LPT-ĐTTH ngày 22/12/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố SL đối với số tiền 7.593.939đ (bảy triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn, chín trăm ba mươi chín đồng) trong tài khoản số 41110000396292 tại Ngân hàng Đ (BIDV) – Chi nhánh Sơn La của bị cáo Nguyễn Văn H.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 22.377.000đ (Hai mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/5/2023). Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố SL;
- Công an thành phố SL;
- Chi cục THA dân sự thành phố SL;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- THAHS;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Thị Mai Hương